TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐĂK LĂK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc**

Bản án số: 20/2018/DS-PT
Ngày 29-01-2018
V/v: tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Doãn Đình Quyến.

Các thẩm phán: Ông Trương Công Bình, bà Lê Thị Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Anh Tuấn – Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Vượng - Kiểm sát viên.

Ngày 29/01/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 204/2017/TLPT-DS ngày 08/11/2017 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2017/DS-ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 241/2017/QĐPT-DS ngày 25/12/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2018/QĐ-PT ngày 12/01/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Ông Y, sinh năm 1985. (Vắng mặt)
Địa chỉ: Buôn T, xã D, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.
2. Ông Đ, sinh năm 1955. (Vắng mặt).
Địa chỉ: Buôn T, xã D, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.
3. Ông E, sinh năm 1960. (Có mặt).
Địa chỉ: Buôn H, xã D, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của các đồng nguyên đơn: Ông W, sinh năm 1960 (theo văn bản ủy quyền ngày 21/11/2017)
Địa chỉ: Buôn P, xã K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (có mặt)

- *Bị đơn*: Ông L , sinh năm 1984 và bà N, sinh năm 1989.
Cùng địa chỉ: Buôn E, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (đều vắng mặt)

- *Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà H, sinh năm 1955
Địa chỉ: Buôn T, xã D, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của các đồng nguyên đơn trình bày như sau:

Trong các năm 2014, 2015, 2016 vợ chồng ông L và bà N đã vay tiền của nhiều người nội dung cụ thể như sau:

- Đối với khoản vay của ông Y:

Khoảng cuối năm 2014 ông Y có nhờ vợ chồng ông L và bà N làm hồ sơ vay vốn ngân hàng số tiền là 150.000.000 đồng. Sau khi được Ngân hàng giải ngân, bà N đã vay lại của ông Y số tiền 70.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất theo quy định của Ngân hàng và thời hạn trả nợ tính theo thời hạn quy định trong hồ sơ vay vốn là ngày 07/11/2015. Khi vay bà N đã viết giấy nhận nợ đề ngày 27/12/2014 và ký bên vay tiền, có ông L biết và ký bên người làm chứng. Sau đó ông Y đã giao đủ số tiền 70.000.000 đồng cho bà N và có báo cho ông L biết. Ông L nói sau này vợ chồng ông sẽ có trách nhiệm trả cho ông Y. Trong giấy vay tiền có ông L, bà H, ông I và ông Y ký xác nhận. Đến hẹn ông Y đã đòi nhiều lần nhưng ông L và bà N không thực hiện đúng cam kết trả nợ, phía bà H'Lai Ênuôl cố tình bỏ nhà đi không báo địa chỉ mới cho ông Y biết, ông L thì không chịu trả nợ. Do đó ông Y yêu cầu ông L và bà N phải trả số tiền gốc là 70.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 27/12/2014 cho đến khi trả nợ xong.

- Đối với khoản vay của ông Đ:

Khoảng cuối năm 2015 ông Đ nhờ ông L và bà N làm hồ sơ để vay vốn Ngân hàng số tiền là 100.000.000 đồng. Sau khi được ngân hàng giải ngân, ông L và bà N đã vay lại của ông Đ số tiền 55.000.000 đồng, bà A vay 20.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất theo quy định của Ngân hàng nhà nước, hạn trả nợ vào ngày 12/9/2016. Khi vay bà N đã viết giấy nhận nợ đề ngày 02/11/2015 và ký bên vay tiền có 03 người là ông L, bà N và bà A. Đến hạn thì bà A đã trả xong phần nợ gốc và lãi suất phần của bà, còn L và bà N cố tình không chịu trả nợ mặc dù ông Đ đã đến đòi nợ nhiều lần. Do đó ông Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải trả số tiền 55.000.000 đồng gốc và lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 02/11/2015 đến nay.

- Đối với khoản vay của ông E:

Ngày 28/5/2016 vợ chồng ông E và bà H đã cho vợ chồng ông L và bà N vay số tiền gốc 58.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 3.000.000 đồng/tháng, hẹn trả nợ ngày 28/6/2016 trả cả gốc và lãi suất. Khi vay ông L là người viết giấy vay tiền, bà N ký nhận. Do bà N không biết chữ nên ông E ký thay bà H. Sự việc có ông S ký làm chứng. Đến hẹn trả nợ ông Đ đã đòi nhiều lần nhưng ông L và bà N vẫn không chịu trả nợ mà tìm lý do khất lần. Do đó ông E làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông L và bà N phải trả số tiền 58.000.000 đồng gốc và lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày vay cho đến nay.

Bị đơn ông L trình bày như sau:

- Đối với khoản vay của ông Y:

Ông L thừa nhận trong năm 2014 bà N là vợ ông L có vay của ông Y số tiền 70.000.000 đồng thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả nợ như ông Y trình bày

là đúng. Tuy nhiên ông L không biết bà N vay mục đích để làm gì và sử dụng vào việc gì. Ông L thừa nhận có cam kết cùng bà N trả số tiền nợ cho ông Y vì thời gian này ông L và bà N đang sống chung một nhà. Nhưng hiện nay bà N đã bỏ đi nên ông L không đồng ý trả nợ vì không sử dụng số tiền này.

- Ông L thừa nhận có vay của ông Đ số tiền như ông Đ trình bày là đúng. Nay ông Đ khởi kiện thì ông L chỉ chấp nhận trả số tiền 29.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật, còn bà N có trách nhiệm trả số tiền còn lại là 29.000.000 đồng và lãi suất. Tuy nhiên hiện nay do khó khăn về kinh tế, không có tiền để trả nợ một lần nên đề nghị ông Đ cho ông L được trả dần.

- Đối với khoản vay của ông E, ông L thừa nhận có biết việc vay của ông E số tiền 55.000.000 đồng, ông L và bà N có ký vào giấy vay. Tuy nhiên, bà N là người trực tiếp nhận tiền nhưng có đưa tiền về nhà hay sử dụng tiền để đầu tư, làm ăn gì thì ông L không biết. Do tin tưởng vợ nên ông L đồng ý ký vào giấy vay.

Nay ông E khởi kiện thì ông L chấp nhận trả số tiền 25.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật, còn bà N có trách nhiệm trả số tiền còn lại là 30.000.000 đồng. Tuy nhiên hiện nay do khó khăn về kinh tế, không có tiền để trả nên đề nghị ông E cho ông L được trả dần.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà H trình bày

Bà H là vợ của ông Đ. Bà H đồng ý với lời khai và yêu cầu khởi kiện của ông Đ, do tôi không biết chữ nên để cho ông Đ làm đơn khởi kiện đòi quyền lợi chung của cả hai vợ chồng.

Tại bản án sơ thẩm số 24/2017/DS-ST ngày 29/9/2017, Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 203, 220, 227, 228, 266 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; căn cứ các Điều 305, 471, 474, 476 BLDS 2005;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Y

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của E

Buộc ông L và bà N phải trả cho ông Y số tiền 70.000.000 đồng gốc và 26.433.750 đồng lãi suất.

Buộc ông L và bà N phải trả cho ông Đ và bà H số tiền 58.000.000 đồng và 26.535.000 đồng lãi suất.

Buộc ông L và bà N phải trả cho ông E số tiền 55.000.000 đồng và 14.375.625 đồng lãi suất.

Áp dụng quy định tại Điều 357 BLDS 2015 để tính lãi suất trong quá trình thì hành án.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí giám định, về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 12/10/2017, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C kháng nghị một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm về lãi suất và về án phí.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm và cho rằng: Trong quá trình thụ lý, Thẩm phán và Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ và chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa hôm nay bị đơn vắng mặt, tuy nhiên các đương sự đã được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập lần thứ hai nhưng bị đơn cố tình vắng mặt. Do đó căn cứ khoản 2 Điều 227 BLTTDS năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

Về nội dung: nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận có xác lập quan hệ vay tài sản, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải trả tiền vay cho các nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật, tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải trả lãi cho các nguyên đơn trong hạn và ngoài hạn đều theo mức lãi suất quá hạn là chưa phù hợp với pháp luật, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk sửa bản án sơ thẩm số 24/2017/DS-ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện C về lãi suất và án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở đánh giá đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của các đương sự. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk giữ nguyên quan điểm kháng nghị và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết.

Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk là trong hạn luật định, nên hợp lệ.

[2] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về điều luật áp dụng:

Tòa án cấp sơ thẩm nhận định các bên có thỏa thuận về lãi suất và thời hạn trả nợ nhưng đến hạn bị đơn không trả nợ nhưng áp dụng khoản 4 Điều 474

Bộ luật dân sự năm 2005 là không đúng mà phải áp dụng khoản 5 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005.

[2.2] Đối với khoản vay của ông Y:

Cuối năm 2014, ông Y có nhờ vợ chồng ông L và bà N làm hồ sơ vay vốn ngân hàng số tiền là 150.000.000 đồng. Sau khi được Ngân hàng giải ngân, bà N đã vay lại của ông Y số tiền 70.000.000 đồng. Về lãi suất, các bên thỏa thuận trong giấy vay tiền là theo lãi suất của Ngân hàng nhà nước Việt Nam và thời hạn trả nợ tính theo thời hạn quy định trong hồ sơ vay vốn là ngày 07/11/2015. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Y và áp dụng mức lãi suất 1,125%/tháng từ ngày 27/12/2014 tới ngày 29/9/2017 là không đúng. Bởi lẽ: Ông Y xác nhận cho ông L và bà N từ ngày 27/12/2014 tới ngày 07/11/2015, có thỏa thuận về lãi suất là theo lãi suất của Ngân hàng nhà nước. Mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 01/12/2010 là 9%/năm. Theo quy định tại khoản 5 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 thì trong trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải chịu mức lãi trên nợ gốc và lãi nợ quá hạn theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ. Như vậy, ông L và bà N phải chịu mức lãi suất trong hạn là 0,75%/ tháng, tính từ ngày 27/12/2014 đến ngày 07/11/2015 và mức lãi suất quá hạn là 1,125%/tháng, tính từ ngày 08/11/2015 đến ngày 29/9/2017. Mức lãi suất mà Viện kiểm sát nhân dân huyện C kháng nghị là có cơ sở chấp nhận, tuy nhiên, cách tính thời hạn để tính lãi theo Quyết định kháng nghị là không đúng theo quy định tại Điều 151 Bộ luật dân sự năm 2005. Vì vậy, cần chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện C để tính lại mức lãi suất trong khoản vay của ông L và bà N với ông Y.

Số tiền lãi mà ông L và N phải thanh toán cho ông Y cụ thể như sau:

+ Lãi suất trong hạn là 0,75%/tháng từ ngày 27/12/2014 đến ngày 07/11/2015 (10 tháng x 30 ngày/tháng + 10 ngày = 310 ngày) là: 70.000.000 đồng x 310 ngày x 0,75%: 30 ngày = 5.425.000 đồng (Năm triệu bốn trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

+ Lãi suất quá hạn là 1,125%/tháng, từ ngày 08/11/2015 đến ngày 29/9/2017 (01 năm 10 tháng 20 ngày = 686 ngày) là: 70.000.000 đồng x 686 ngày x 1,125% : 30 ngày = 18.007.500 đồng (Mười tám triệu không trăm lẻ bảy ngàn năm trăm đồng).

Tổng cộng là 23.432.500 đồng (Hai mươi ba triệu bốn trăm ba mươi hai ngàn năm trăm đồng).

[2.3] Đối với khoản vay của ông Đ:

Ngày 28/5/2016 vợ chồng ông Đ và bà H đã cho vợ chồng ông L và bà N vay số tiền gốc 58.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 3.000.000 đồng/tháng, hẹn trả nợ ngày 28/6/2016 trả cả gốc và lãi suất. Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông Đ yêu cầu tính lãi suất lại theo quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng mức lãi suất 1,125%/tháng tính từ

ngày 28/5/2014 đến ngày 29/9/2017 là không có cơ sở. Bởi lẽ, quá trình giải quyết, nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất tính lãi suất theo quy định của pháp luật, nên lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn cần phải được áp dụng theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tại Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 01/12/2010 là 9%/năm (0,75%/tháng). Viện kiểm sát nhân dân huyện C cho rằng phải áp dụng mức lãi suất trong hạn bằng với mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước công bố (0,75%/tháng) và lãi suất quá hạn là 1,125%/tháng là có cơ sở. Tuy nhiên cách tính thời hạn để tính lãi suất là không đúng theo quy định tại Điều 151 Bộ luật dân sự năm 2005.

Như vậy, ông L và bà N phải thanh toán cho ông Đ lãi suất cụ thể như sau:

+ Lãi suất trong hạn là 0,75%/tháng tính từ ngày 28/5/2016 đến ngày 28/6/2016 (1 tháng) là 58.000.000 đồng x 30 ngày x 0,75% : 30 ngày = 435.000 đồng (Bốn trăm ba mươi lăm ngàn đồng).

+ Lãi suất quá hạn là 1,125%/tháng tính từ ngày 29/6/2016 đến ngày 29/9/2017 (01 năm 03 tháng) là 58.000.000 đồng x 455 ngày x 1,125% :30 ngày = 9.896.250 đồng (Chín triệu tám trăm chín mươi sáu ngàn hai trăm năm mươi đồng).

Tổng cộng là 10.331.250 đồng (Mười triệu ba trăm ba mươi mốt ngàn hai trăm năm mươi đồng).

[2.4] Đối với khoản vay của ông E:

Khoảng cuối năm 2015 ông E nhờ ông L và bà N làm hồ sơ để vay vốn Ngân hàng số tiền là 100.000.000 đồng. Sau khi được ngân hàng giải ngân, ông L và bà N đã vay lại của ông E số tiền 55.000.000 đồng, bà A vay 20.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất theo quy định của Ngân hàng nhà nước, hạn trả nợ vào ngày 12/9/2016. Tòa án nhân dân huyện C tuyên buộc ông L và bà N phải chịu mức lãi suất là 1,125%/tháng tính từ ngày 28/5/2014 đến ngày 29/9/2017 là không có cơ sở, bởi lẽ các đương sự có thỏa thuận với nhau về lãi suất là theo lãi suất của Ngân hàng nhà nước. Mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 01/12/2010 là 9%/năm, vì vậy lãi suất trong hạn phải được áp dụng ở mức 0,75%/tháng.

Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C về mức lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn là có cơ sở. Tuy nhiên, cách tính thời hạn để tính lãi là chưa đúng quy định tại Điều 151 Bộ luật dân sự năm 2005.

Như vậy, lãi suất mà ông L và bà N phải trả cho ông E cụ thể như sau:

+ Lãi suất trong hạn tính từ ngày 02/11/2015 đến ngày 12/9/2016 (10 tháng 10 ngày) là: 55.000.000 đồng x 310 ngày x 0,75% : 30 ngày = 4.262.500 đồng (Bốn triệu hai trăm sáu mươi hai ngàn năm trăm đồng).

+ Lãi suất quá hạn tính từ ngày 13/9/2016 đến ngày 29/9/2017 là: 55.000.000 x 381 ngày x 1.125% : 30 ngày = 7.858.125 đồng (Bảy triệu tám trăm năm mươi tám ngàn một trăm hai mươi lăm đồng).

Tổng cộng số tiền lãi phải trả làm tròn số là 12.120.500 đồng (Mười hai triệu một trăm hai mươi ngàn năm trăm đồng).

[3] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện C về án phí dân sự sơ thẩm. Hội đồng xét xử xét thấy do Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng không đúng số tiền về lãi suất, nên cần chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện C để tính lại mức án phí dân sự sơ thẩm.

Ông L và bà N phải chịu mức án phí dân sự sơ thẩm làm tròn số là (70.000.000 đồng + 58.000.000 đồng + 55.000.000 đồng + 23.432.500 đồng + 10.331.250 đồng + 12.120.500 đồng) x 5% = 11.444.000 đồng (Mười một triệu bốn trăm bốn mươi bốn ngàn đồng)

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk, sửa một phần bản án sơ thẩm số 24/2017/DS-ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện C về lãi suất và về án phí dân sự sơ thẩm.

1. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 203, 220, 227, 228, 266 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; căn cứ các Điều 305, 471, 474, 476 BLDS 2005;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Y

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của E

Buộc ông L và bà N phải trả cho ông Y số tiền 70.000.000 đồng tiền gốc và 23.432.500 đồng đồng lãi suất.

Buộc ông L và bà N phải trả cho ông Đ và bà H số tiền 58.000.000 đồng tiền gốc và 10.331.250 đồng đồng lãi suất.

Buộc ông L và bà N phải trả cho ông E số tiền 55.000.000 đồng tiền gốc và 12.120.500 đồng lãi suất.

Áp dụng quy định tại Điều 357 BLDS 2015 để tính lãi suất trong quá trình thì hành án.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông L và bà N phải chịu mức án phí dân sự sơ thẩm là 11.444.000 đồng.

[1] Trả lại cho ông Đ số tiền 1.450.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C theo biên lai thu số AA/2014/0043566 ngày 03/4/2017;

[2] Trả lại ông Y số tiền 1.750.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Kuin theo biên lai thu số AA/2014/0043568 ngày 03/4/2017;

[3] Trả lại ông E số tiền 1.375.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Kuin theo biên lai thu số AA/2014/0043567 ngày 03/4/2017.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đương sự;
- ……...;
- Lưu HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Doãn Đình Quyến